TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ H** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 17-6-2021
V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Thiệt Khá;

Bà Ngô Thị Diễm Thúy;

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Tuyền là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố H.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố H, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 30/2021/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị T, sinh năm 1988;

Địa chỉ cư trú: khóm Đ, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (vắng mặt và có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1986.

Địa chỉ cư trú: khóm T, phường A, thành phố H, tỉnh Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 17/02/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Chị Lê Thị T thể hiện ý kiến như sau*:

Vào năm 2005 chị và Anh Nguyễn Thanh S cưới nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân do cả hai tự tìm hiểu, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay cãi nhau, sống không hạnh phúc, anh S thường xuyên uống rượu và có những lời lẽ xúc phạm chị. Vì thương con và gia đình động viên nên chị cố gắng sống nhưng anh S vẫn không thay đổi nên chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau: Về hôn nhân: Chị yêu

cầu ly hôn với Anh Nguyễn Thanh S. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/3/2006 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/12/2013, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo bản khai ngày 14/5/2021 và tại phiên Tòa án bị đơn Anh Nguyễn Thanh S trình bày: Anh và Chị Lê Thị T cưới nhau năm 2005, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống hạnh phúc đến cuối năm 2020 thì mâu thuẫn, do vợ anh là Lê Thị T gây nợ nần và bỏ đi để lại 02 con cho anh nuôi. Từ đó đến nay, vợ chồng không gặp nhau để hàn gắn tình cảm do vợ anh ít khi về quê. Lúc đầu, anh không đồng ý ly hôn vì muốn vợ chồng thêm cơ hội hàn gắn nhưng vợ anh không chịu gặp mặt. Tại phiên Tòa án hôm nay, nếu vợ chồng không thể hàn gắn, Hội đồng xét xử quyết định cho ly hôn thì anh cũng thống nhất vì thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, cuộc sống không còn hạnh phúc. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ sinh ngày 03/3/2006 và Nguyễn Thị Thùy D sinh ngày 01/12/2013. Từ lúc vợ anh bỏ đi thì các con do anh nuôi, nhưng hiện nay Đ do vợ anh nuôi, còn Thùy D là do anh trực tiếp nuôi. Anh yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu vợ anh cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án án giải quyết. Về nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ kiện ly hôn và tranh chấp về nuôi con nên thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn Chị Lê Thị T vắng mặt và có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Chị T yêu cầu ly hôn với anh Sang, Hội đồng xét xử nhận định: Anh, chị chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 2005, có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp. Chị T và anh S đều thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không Đ được. Đồng thời, tại phiên tòa anh S cũng đồng ý ly hôn nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Lê Thị T là phù hợp.

- Về con chung: Chị T yêu cầu được nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/3/2006 và Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/12/2013, chị Th không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên Tòa án, anh S cũng yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Đối với yêu cầu được nuôi hai con chung của chị T và anh S thì Hội đồng xét xử nhận định: Cháu Đ và cháu D

đều trên 07 tuổi nên hai cháu có quyền thể hiện nguyện vọng của mình muốn sống với cha hoặc mẹ để Tòa án xem xét khi giải quyết vụ án. Căn cứ vào bản khai của cháu Đ thể hiện nguyện vọng muốn sống với Mẹ (Lê Thị T), cháu D thể hiện ý kiến tại phiên tòa là muốn sống với cha (Nguyễn Thanh Sang), cháu D trình bày do trước đây có mẹ ở nhà nên cháu thể hiện ý kiến trong bản khai nộp cho Tòa án là sống với mẹ nhưng khi mẹ đi làm thuê thì cháu sống với cha nên nguyện vọng của cháu là được tiếp tục sống với cha. Do đó, ghi nhận sự tự nguyện của cháu Đ và cháu D. Đồng thời, hiện tại cháu Đ đang sống với chị T, cháu D sống với anh S nên việc bắt con để giao cho chị T hay anh S nuôi cả hai con chung sẽ ảnh hưởng đến tâm, sinh lý và các lợi ích của hai cháu. Vì thế, căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của các con chung cho nên để cháu Đ cho chị T tiếp tục nuôi, còn anh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu D. Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị T và anh S đều không yêu cầu cấp dưỡng. Đây là sự tự nguyện của anh chị nên Tòa án ghi nhận. Chị T, anh S cùng gia đình anh, chị không được cản trở anh Sang, chị Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Chị T và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Chị Th và anh S đều không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Buộc Chị Lê Thị T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Chị Lê Thị T.

Chị Lê Thị T được ly hôn với Anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung:

Chị Lê Thị T được tiếp tục trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 03/3/2006, anh S không cấp dưỡng nuôi con do chị Th tự nguyện không yêu cầu.

Anh Nguyễn Thanh S được tiếp tục trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Thị Thùy D, sinh ngày 01/12/2013, chị Th không cấp dưỡng nuôi con do anh S tự nguyện không yêu cầu.

Chị Th, anh S cùng các thành viên gia đình anh chị không được cản trở anh Sang, chị T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung: Chị T và anh S tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Chị Lê Thị T chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị đã nộp theo biên lai số 0008880 ngày 03/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống Đ hợp lệ.

"Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008" (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND TP. Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Tâm